

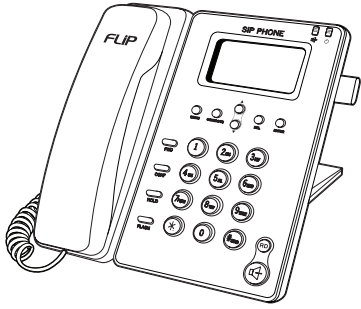
FLiP *PHONE*
Hướng dẫn sử dụng

Version 1.1

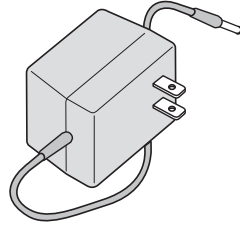
INDEX

BỘ FLIP	5
CẤU TẠO CỦA FLIP ĐIỆN THOẠI	5
CÁCH CÀI ĐẶT THIẾT BỊ	6
CÁC CHỨC NĂNG CỦA MÁY	9
PHỤ LỤC I	12
PHỤ LỤC II	16
PHỤ LỤC III	17

BỘ FLIP



FLIP điện thoại



Dây nguồn AC/DC

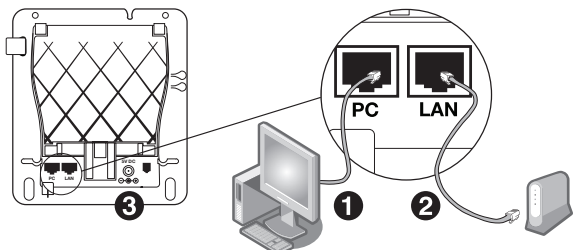
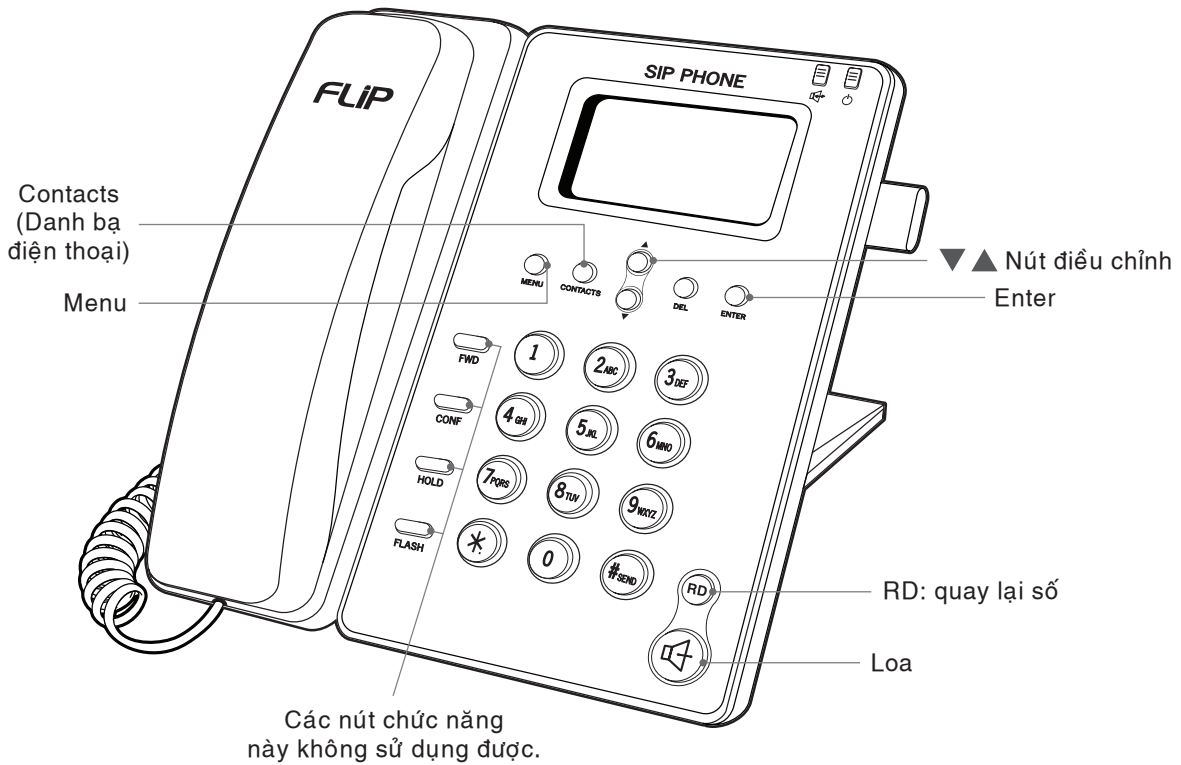


Dây LAN



Bản hướng

CẤU TẠO CỦA FLIP ĐIỆN THOẠI



- ❶ PC: cổng nối với máy tính.
- ❷ LAN: cổng nối với modem hoặc router.
- ❸ 5V DC: cổng nối với dây nguồn AC/DC.

CÀI ĐẶT MÁY FLIP ĐIỆN THOẠI

Cài đặt FLIP điện thoại sẽ phụ thuộc vào các thiết bị đã được kết nối sẵn với Internet, cũng như phải có những thông tin (PPPoE) mà nhà cung cấp Internet đã cung cấp.

PPPoE (người được phép kết nối internet) phải đã đăng ký trong router hoặc modem đã có sẵn router. Để cài đặt quý khách phải có user name và password của đường dây Internet của mình (thông tin này có từ nhà cung cấp Internet khi đăng ký sử dụng). Nếu quý khách không có modem/router vui lòng cài đặt PPPoE vào FLIP điện thoại theo hướng dẫn ở trang 12.

LƯU Ý: để cài đặt PPPoE vào FLIP điện thoại, chỉ bấm được user name và password dài nhất là 32 ký tự. Nếu vượt quá số ký tự chỉ định, việc cài đặt phải tiến hành từ Internet (xem hướng dẫn ở phần PHỤ LỤC 1 trang 13).

Sau khi cài đặt FLIP điện thoại, vui lòng chờ trong vài phút để hệ thống đi vào ổn định.

Nếu việc cài đặt, install modem/router đã hoàn tất, khi cắm điện vào FLIP điện thoại, màn hình sẽ hiện lên chữ Brastel-FLIP.

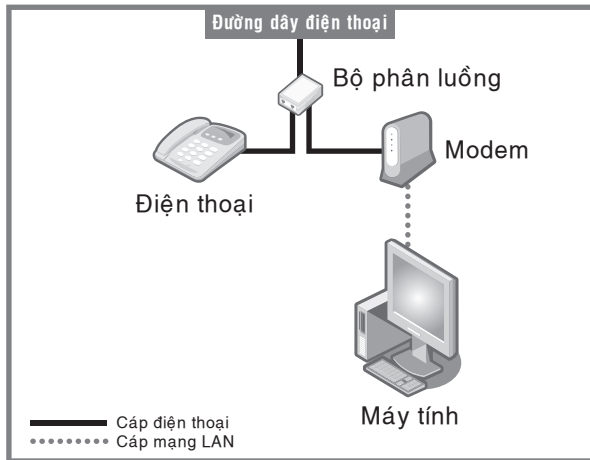
Nếu việc đã install modem/router nhưng cài đặt chưa hoàn tất, khi cắm điện vào FLIP điện thoại,

màn hình sẽ hiện lên chữ “No service”.

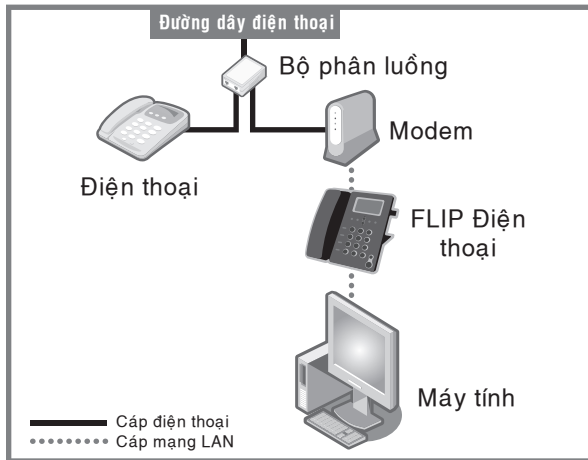
Xem những mẫu sau để cài đặt FLIP điện thoại của quý khách phù hợp với trường hợp của mình:

Trường hợp A: Modem mạng ADSL có cài sẵn router.

TRƯỚC



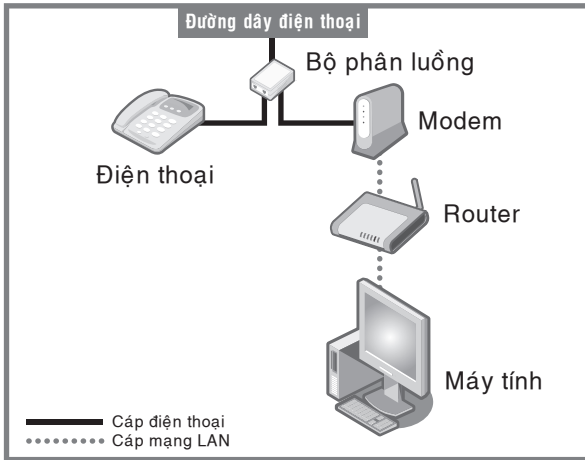
SAU



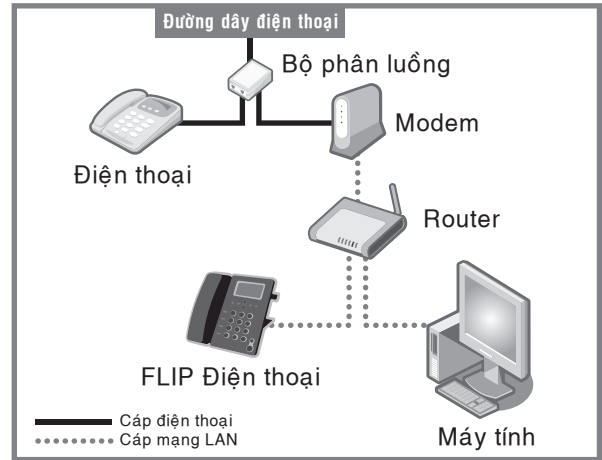
TRƯỚC và SAU khi cài đặt FLIP điện thoại

Trường hợp B: Modem của mạng ADSL và Router là hai thiết bị riêng biệt.

TRƯỚC



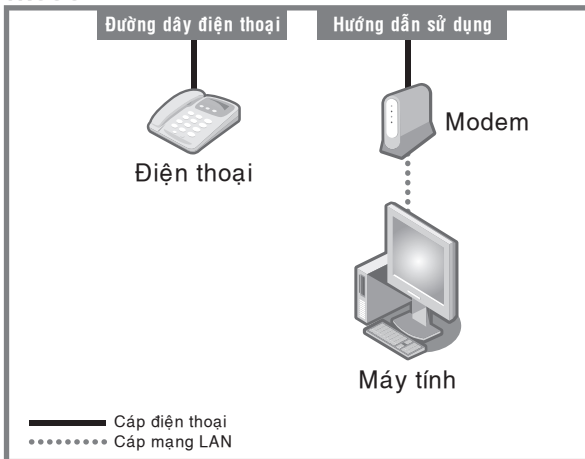
SAU



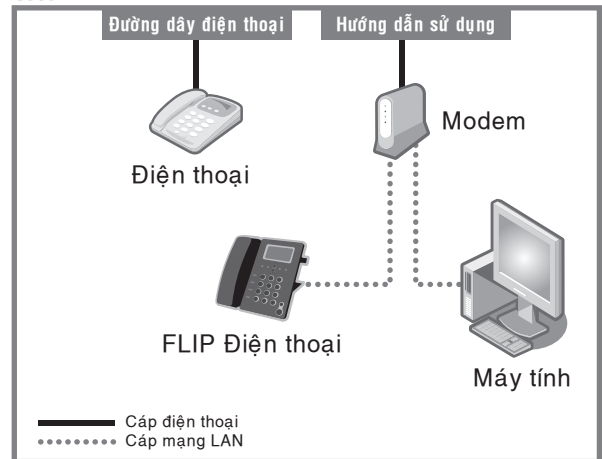
TRƯỚC và SAU khi cài đặt FLIP điện thoại

Trường hợp C: Đường truyền Internet là cáp quang với modem có cài sẵn router.

TRƯỚC



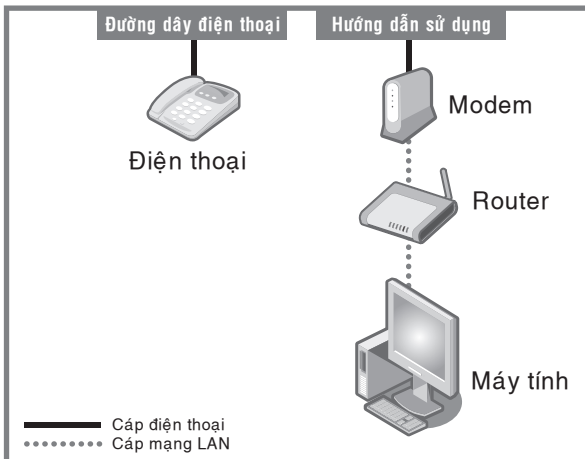
SAU



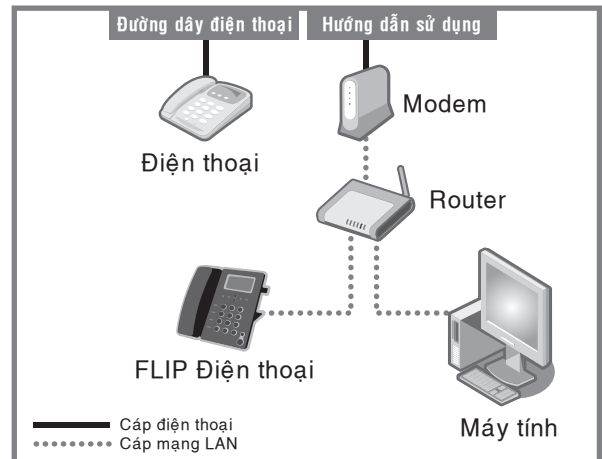
TRƯỚC và SAU khi cài đặt FLIP điện thoại

Trường hợp D: Đường truyền Internet là cáp quang với modem và router là hai thiết bị riêng biệt.

TRƯỚC



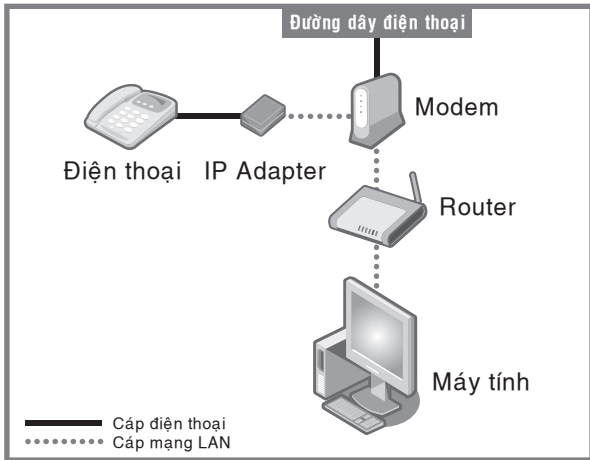
SAU



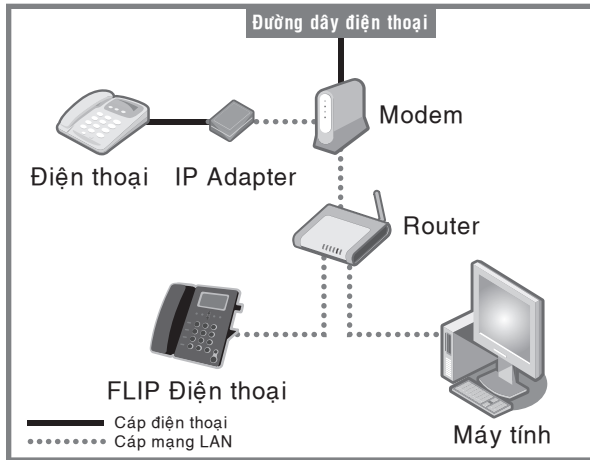
TRƯỚC và SAU khi cài đặt FLIP điện thoại

Trường hợp E: Đường truyền Internet là cáp quang, điện thoại IP với modem và router là hai thiết bị riêng biệt.

TRƯỚC



SAU

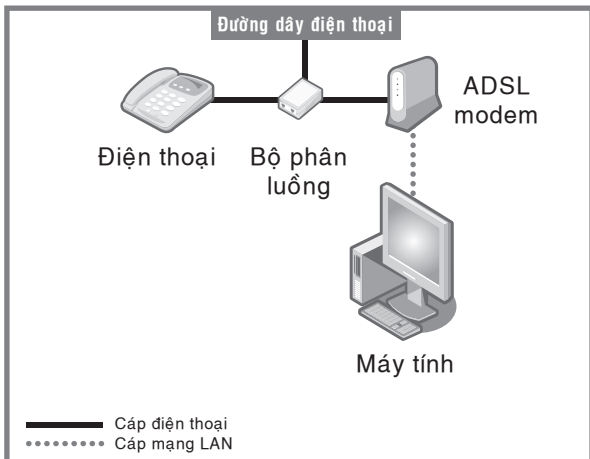


TRƯỚC và SAU khi cài đặt FLIP điện thoại

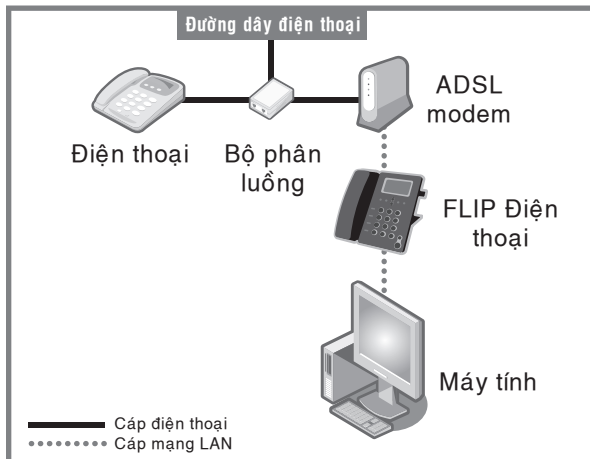
Trường hợp F: Modem của mạng ADSL không có router.

Phải thiết định cấu hình PPPoE vào máy FLIP điện thoại (xem phần Phụ lục I, trang 12)

TRƯỚC



SAU



TRƯỚC và SAU khi cài đặt FLIP điện thoại

CÁC CHỨC NĂNG CỦA FLIP ĐIỆN THOẠI

CHỨC NĂNG	CÁCH THAO TÁC
PHONEBOOK (DANH BẠ ĐIỆN THOẠI)	SEARCH (TÌM KIẾM) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone book" và ấn "Enter". 3. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Search" và ấn "Enter" 2 lần. 4. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn số điện thoại mà quý khách muốn tìm. Ấn đầu Loa nếu quý khách muốn gọi tới số điện thoại đó.
	ADD ENTRY (THÊM SỐ ĐIỆN THOẠI VÀO DANH BẠ) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone book" và ấn "Enter". 3. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Add entry" và ấn "Enter". 4. Nhập tên và ấn "Enter". 5. Nhập số điện thoại bắt đầu từ số nối 00912020 + mã nước, mã vùng, SĐT và ấn "Enter". Nếu là số điện thoại tại Nhật, phải nhập đầy đủ số bắt đầu từ mã vùng.
	ERASE ALL (XÓA TẤT CẢ SỐ ĐĂNG KÝ TRONG DANH BẠ ĐIỆN THOẠI) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone book" và ấn "Enter". 3. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Erase all" và ấn "Enter". 4. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Yes" (đồng ý) hay "No" và ấn "Enter".
CALL HISTORY (CHI TIẾT CUỘC GỌI)	INCOMING CALLS (CÁC CUỘC GỌI ĐẾN) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Call history" và ấn "Enter". 3. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Incoming calls" và ấn "Enter".
	DIALED NUMBERS (CÁC SỐ ĐÃ GỌI ĐI) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Call history" và ấn "Enter". 3. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Dialed Numbers" và ấn "Enter".
	ERASE RECORD (XÓA CHI TIẾT CUỘC GỌI) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Call history" và ấn "Enter". 3. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "Erase record" và ấn "Enter". 4. Sử dụng các nút ▼ ▲ để chọn mục "All" (xóa tất), "Incoming" và ấn (xóa các cuộc gọi đến) hoặc Dialed (xóa các cuộc gọi đi) "Enter".
PHONE SETTING (CÀI ĐẶT MÁY)	SPEAKER VOLUME (ÂM LƯỢNG LOA) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Volume and Gain" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Speaker volume" và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn âm lượng mà quý khách muốn và ấn "Enter".

CÁC CHỨC NĂNG CỦA FLIP ĐIỆN THOẠI

CHỨC NĂNG	CÁCH THAO TÁC
PHONE SETTING (CÀI ĐẶT MÁY)	HANDSET VOLUME (ÂM LƯỢNG MÁY) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Volume and Gain" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Handset volume" và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn âm lượng mà quý khách muốn và ấn "Enter".
	RING TONE VOLUME (ÂM LƯỢNG CHUÔNG) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Ringer" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Ringer volume" và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn âm lượng mà quý khách muốn và ấn "Enter".
	RING TYPE (KIỂU CHUÔNG) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Ringer" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Ringer type" và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn kiểu chuông mà quý khách muốn và ấn "Enter".
	ALARM CLOCK (ĐỒNG HỒ BÁO THỨC) 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Alarm setting" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Activation" (kích hoạt) và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Enabled" (sử dụng) hoặc "Disabled" (không sử dụng)
	ALARM CLOCK (TIME ADJUST) - CÀI ĐẶT GIỜ BÁO THỨC 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Alarm setting" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Alarm time" (giờ báo), nhập giờ quý khách muốn và ấn "Enter".
	DATE/TIME (NGÀY/ GIỜ) Sau khi cắm FLIP điện thoại với điện nguồn, máy sẽ được kết nối với server của Brastel, ngày/giờ sẽ được đặt tự động trên máy. Nếu muốn thay đổi ngày/giờ của máy theo từng quốc gia, xin làm theo các bước sau để điều chỉnh múi giờ mới (xem phần Phụ lục III, trang 17). 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Phone setting" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Date/Time setting" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "SNTP setting" và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Time Zone" và ấn "Enter". 6. Nhập múi giờ của nước mà quý khách muốn và ấn "Enter". (nhập số âm (-), bấm *)

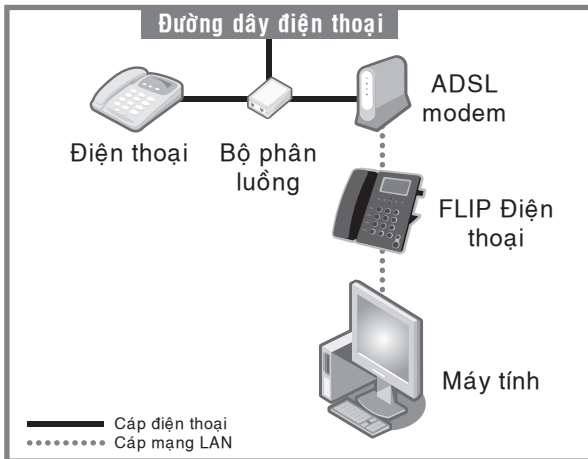
CÁC CHỨC NĂNG CỦA FLIP ĐIỆN THOẠI

CHỨC NĂNG	CÁCH THAO TÁC
NETWORK (MẠNG)	<p>PPPoE SETUP (CÀI ĐẶT PPPoE)</p> <p>LƯU Ý: Để cài đặt PPPoE trên máy FLIP điện thoại, chỉ nhập được user name và password tối đa là 32 ký tự. Nếu vượt quá con số này thì việc cài đặt phải được thực hiện thông qua internet tham khảo phần Phụ lục I, trang 13)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Network" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "PC setup" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "NAT" và ấn "Enter". 5. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "LAN setup" và ấn "Enter". 6. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "IP type" và ấn "Enter". 7. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "PPPoE client" và ấn "Enter". 8. Bấm Menu 2 lần 9. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Network" và ấn "Enter". 10. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "LAN setup" và ấn "Enter". 11. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "PPPoE setting" và ấn "Enter". 12. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "User name", nhập User name và ấn, "Enter". 13. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Password", nhập Password và ấn "Enter". <p>Sau khi hoàn thành việc cài đặt PPPoE, khởi động lại máy FLIP điện thoại (xem cách thức bên dưới).</p>
	<p>RESTART THE FLIP PHONE TERMINAL (KHỞI ĐỘNG LẠI MÁY FLIP ĐIỆN THOẠI)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ấn nút "Menu". 8. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục Administrator" và ấn "Enter". 9. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Restart" và ấn "Enter".
ADMINISTRATOR (QUẢN LÝ MÁY)	<p>REVERT THE TERMINAL TO DEFAULT SETTING (RESET)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ấn nút "Menu". 2. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Administrator" và ấn "Enter". 3. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Default setting" và ấn "Enter". 4. Sử dụng nút ▼ ▲ để chọn mục "Load default" và ấn "Enter".

PHỤ LỤC I - CHỈ DÀNH CHO CÁC LOẠI MODEM MẠNG ADSL KHÔNG CÓ SẴN ROUTER, NHƯ TRƯỜNG HỢP F (trang 8).

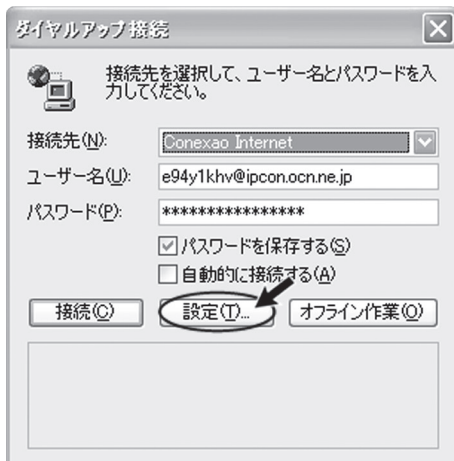
Cài đặt PPPoE vào máy FLIP điện thoại

Hãy chắc chắn rằng tất cả các loại dây cáp đã được kết nối đúng (xin tham khảo hình dưới đây).



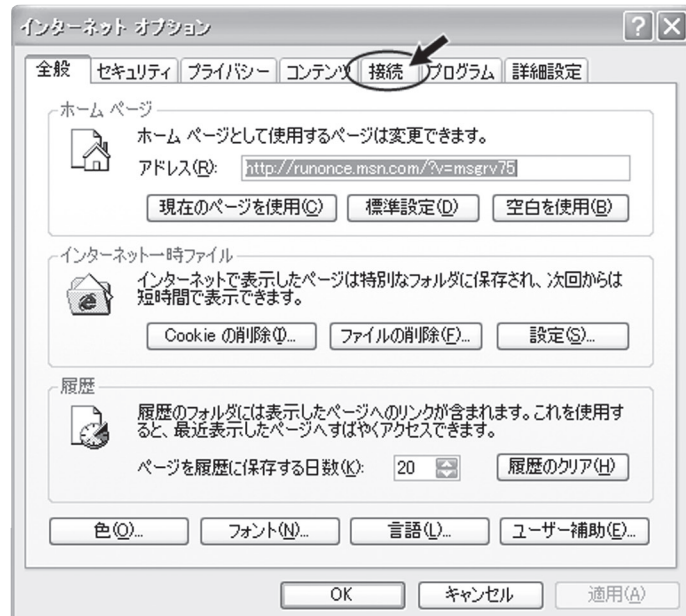
Bước 1) Vô hiệu hóa PPPoE của máy tính.

Việc cài đặt có thể được làm thông qua cửa sổ dial - up connection (Hình A) hoặc cửa sổ Internet Explorer (Hình B).



Hình A

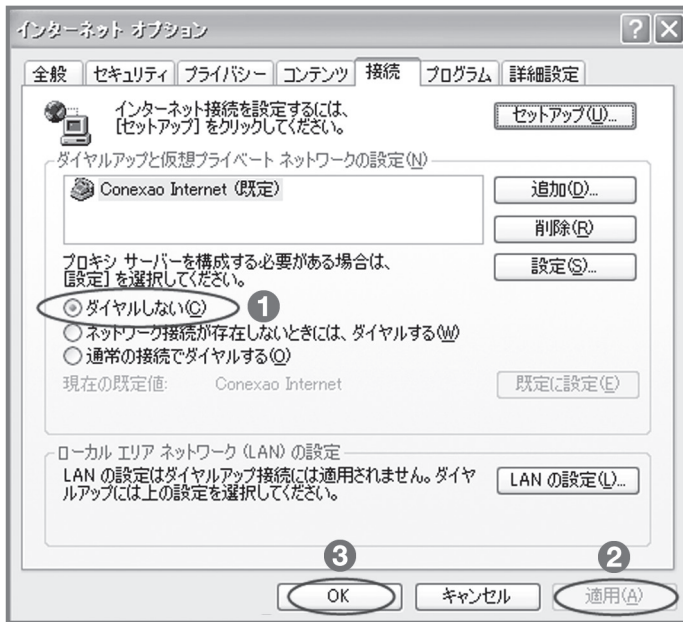
Nhấn chuột vào nhấn chuột vào **設定 > 接続**.



Hình B

Mở một cửa sổ Internet Explorer và nhấn chuột vào **ツール > インターネットオプション > 接続**

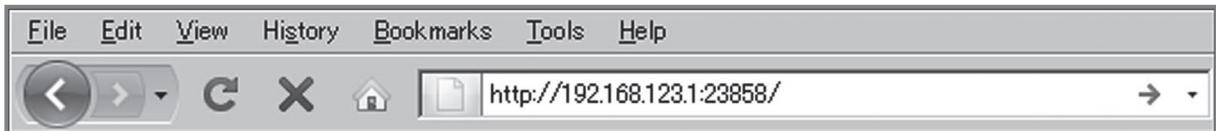
2. Trong cửa sổ **インターネットオプション**, chọn **① ダイヤルしない** **② 適用**, **③ OK**, đóng tất cả các cửa sổ lại rồi khởi động lại máy tính.



Nếu quý khách muốn sử dụng Internet mà không sử dụng FLIP điện thoại, chỉ cần bấm vào **① 通常の接続でダイヤルする** **② 適用** và, **③ OK**.

Bước 2) Cài đặt PPPoE vào FLIP điện thoại

1. Mở một trình duyệt web (Internet Explorer, Firefox .vv..), gõ địa chỉ: <http://192.168.123.1:23858/> và ấn "Enter" để mở cửa sổ cài đặt.



Nếu không truy cập được vào địa chỉ này, DHCP của máy tính có thể không hoạt động. Vui lòng xem phần Phụ lục II (trang 16) để xem hướng dẫn thêm.

2. Trong cả 2 mục User Name và Password, nhập từ "User" và sau đó bấm vào Login

Lưu ý: Khi nhập User Name và Password, từ "User" phải được bắt đầu bằng chữ hoa "U".

Enter Network Password

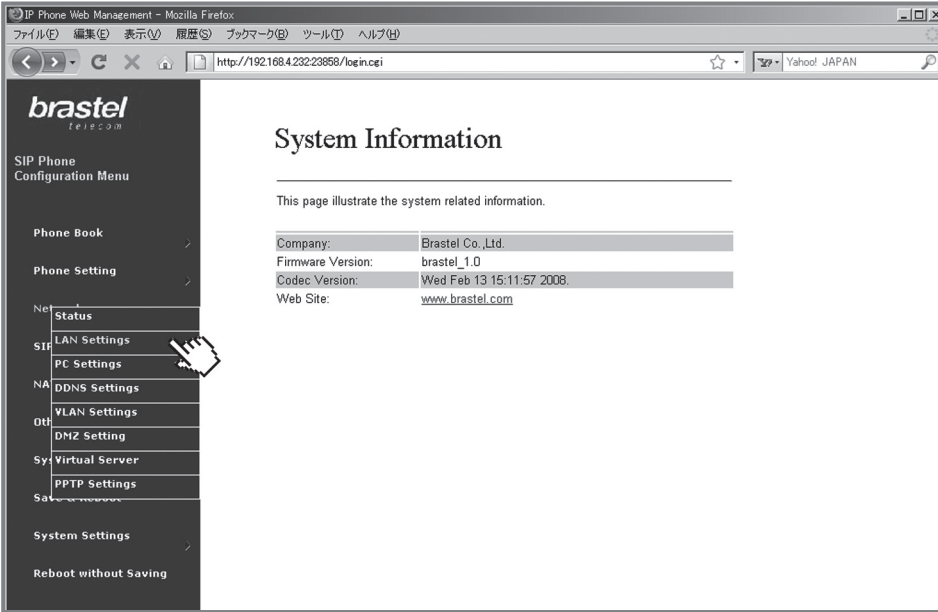
Please type your user name and password
VoIP Phone Adapter Configuration

User Name

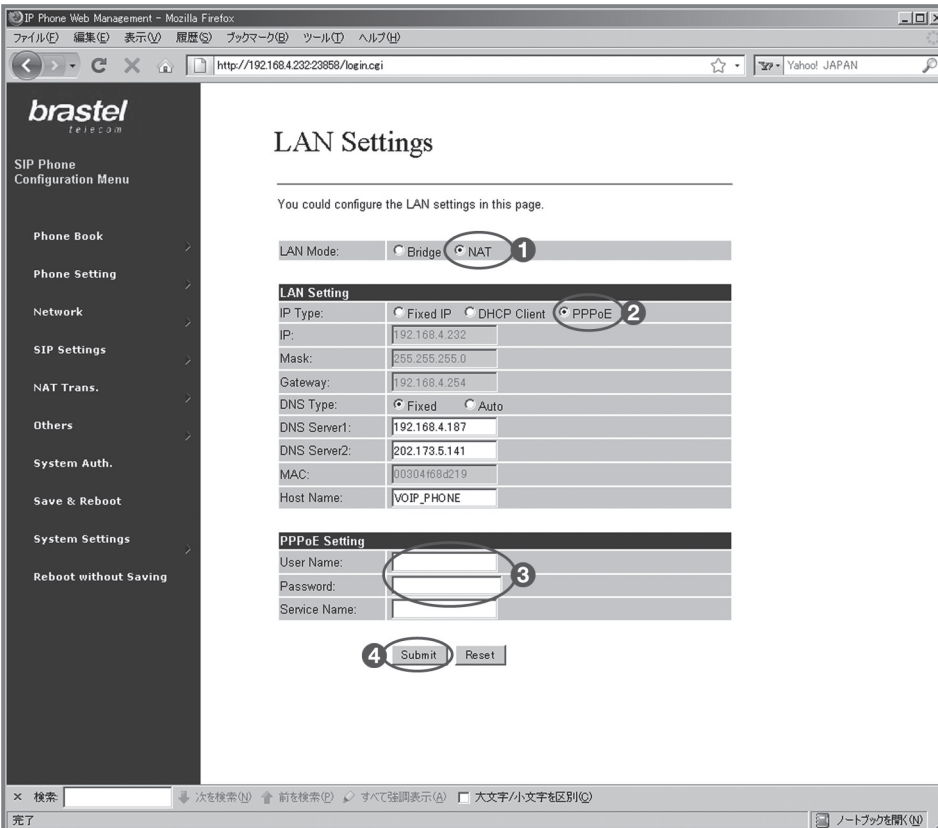
Password

Save this password in your password list

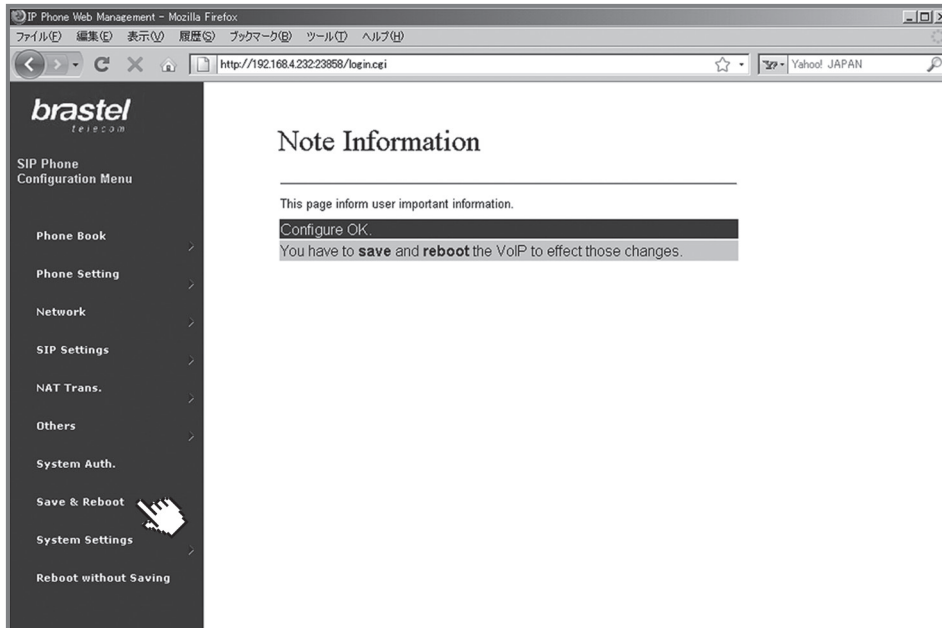
3. Từ menu, bấm vào “Network” và từ submenu, quý khách chọn “LAN Settings”.



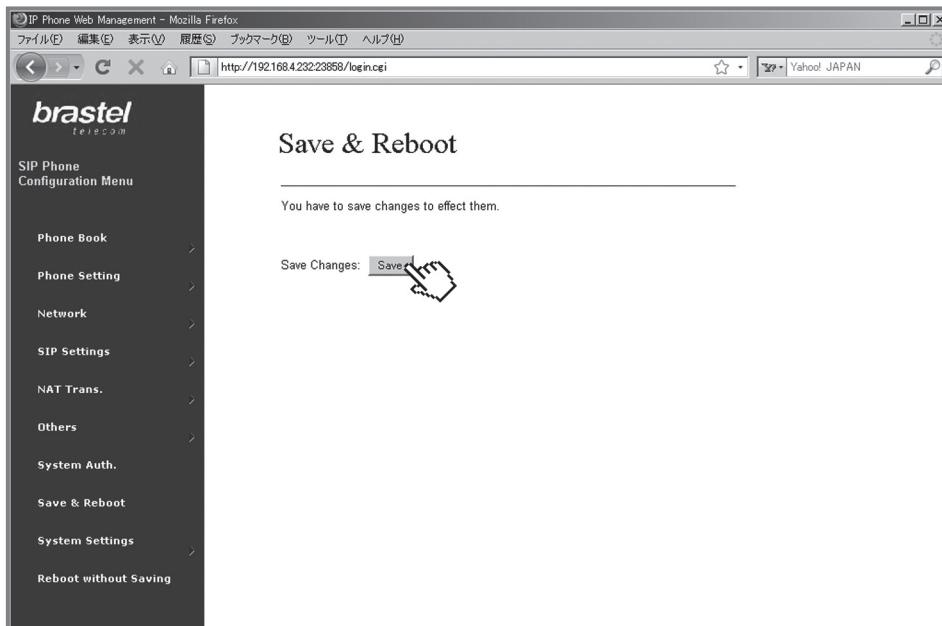
4. Tại màn hình LAN Settings, chọn ① NAT, ② PPPoE, nhập ③ User Name và Password do nhà cung cấp Internet cung cấp và sau đó bấm vào ④ Submit.



5. Bấm vào “Save & Reboot”.



6. Trên màn hình “Save & Reboot”, bấm vào “Save”.



7. Xin quý khách đợi trong vòng 5 đến 10 phút, sau đó kiểm tra lại, nếu có kết nối internet thì việc cài đặt đã hoàn tất.

PHỤ LỤC II - CÀI ĐẶT DHCP CHO WINDOWS

DHCP (Giao thức cấu hình host động) là giao thức mà có thể tự động gán các địa chỉ IP, các thông tin cấu hình liên quan khác cho khách hàng khi vào mạng chẳng hạn như mặt nạ mạng con (subnet mask) và cổng vào mặc định.

Trong trường hợp sử dụng FLiP, nó sẽ giúp cho bộ ATA có thể cung cấp thông tin cần thiết cho máy tính của khách hàng. Nhờ vậy, khách hàng có thể sử dụng Internet một cách bình thường để kết nối máy tính của quý khách tới bộ ATA.

Windows XP

Bấm chuột vào nút “スタート”>“コントロールパネル”>“ネットワーク接続”

Bấm chuột phải vào mục “ローカルエリア接続”.

Từ menu, chọn mục “プロパティ”.

Bấm 2 lần liên tục vào “インターネットプロトコル (TCP/IP)”

Chọn “IPアドレスを自動的に取得する”

Chọn “DNSサーバーのアドレスを自動的に取得する”

Bấm “OK” và khởi động lại máy tính.

Windows Vista

Bấm chuột vào nút “スタート”>“コントロールパネル”>“ネットワーク接続”

Bấm chuột vào mục “ネットワークと共有センター”.

Trong phần “ネットワークと共有センター” dọc theo cửa sổ bên trái, chọn mục “ネットワーク接続の管理”.

Bấm chuột phải vào mục “ローカルエリア接続”

Từ menu, chọn mục “プロパティ”.

Bấm chuột vào “IPアドレスを自動的に取得する”.

Bấm chuột vào “DNSサーバーのアドレスを自動的に取得する”.

Bấm “OK” và khởi động lại máy tính.

Muốn biết thêm thông tin về phần cài đặt DHCP, xin tham khảo phần Trợ giúp của hệ thống cài đặt.

PHỤ LỤC III - MÚI GIỜ



Hướng dẫn sử dụng